

Sự tự do của gia đình truyền thông hay tự do báo chí có liên hệ chặt chẽ với tự do ngôn luận.



Giống như Tự Do Ngôn Luận, Tự Do Báo Chí là một trong các điều cần thiết của nền Dân Chủ. Tu Chính Án Thứ Nhì của Hiến Pháp Hoa Kỳ đã cấm đoán chính quyền không được phép tước bỏ bất cứ tự do ngôn luận, tôn giáo, báo chí và hội họp. Bởi vì nền tự do báo chí là bộ phận quy định của người dân được hiểu biết và khuyến khích các quan truyền thông báo cáo và thảo luận về các biện pháp chính trị đã xảy ra hay sẽ xảy ra. Nhờ tự do báo chí mà các ý tưởng có thể được in ấn, phê bình và trao đổi, và chọn lọc cách thảo luận của mọi các ý tưởng mà sẽ tốt hơn để được phát hiện. Nhà bình luận chính trị danh tiếng Walter Lippmann đã từng nói: Một nền tự do báo chí không phải là một đặc quyền (privilege) mà là một nhu cầu cơ hữu (an organic necessity) của một xã hội tốt đẹp.

Tại Hoa Kỳ ngày nay, phần lớn các biện pháp chính trị thường xảy ra tại Thủ Đô Washington D.C. và các tiểu bang này đã được báo chí và truyền thanh, truyền hình truyền thông thu hút. Trừ các tiểu bang thu hút các biện pháp, nhiều người đã đặt câu hỏi, ai có quyền cho phép người dân được nghe những gì và được đọc những gì? Chính quyền có nên kiểm duyệt các bài báo của những các tin tức gây nguy hiểm cho an toàn công cộng? Việc kiểm duyệt các tin tức, nếu có, khi nào bắt coi là đi quá xa? Làm sao ngăn ngừa những tờ báo lợi dụng nền tự do báo chí để nói sai sự thật, làm hại những người khác?

SĐ tĐ do cĐa giĐi truyĐn thông hay tĐ do báo chí có liên hĐ chĐt chĐ vĐi tĐ do ngôn luĐn. TĐ do báo chí trĐĐc kia chĐ bao gĐm các sách vĐ, nhĐt báo và tĐp chí, nhĐng ngày nay nĐn tĐ do đó còn đĐĐc áp ĐĐng vào truyĐn thanh, truyĐn hình và phim Đnh. Hai phĐĐng tiĐn truyĐn thanh và truyĐn hình thĐĐng bĐ chỉ phĐi bĐi các quy luĐt cĐa chính quyĐn bĐi vì các lần sóng là mĐt nguĐn tài nguyên chung (a public resource) và các tĐn sĐ phát thanh và phát hình có giĐi hĐn và cũng vì thĐ, mĐt sĐ phĐm vi truyĐn thông bĐ giĐi hĐn hĐn các thĐ khác.

1. KĐm duyĐt báo chí

NhiĐu chính quyĐn trên thĐ giĐi hiĐn đang kĐm soát báo chí và các phĐĐng tiĐn truyĐn thông khác. Các chính quyĐn này có thĐ phá hĐy các máy in, ngăn cĐn các bài tĐĐng thuĐt không cho phĐ biĐn, đóng cĐa các tòa báo thĐĐng chĐ trích chính phĐ, không cho phát hành hay tĐch thu các cuĐn sách, đòi hĐi sĐ kĐm duyĐt sách báo trĐĐc khi in Đn, cĐm đoán trình chiĐu các phim Đnh... TĐi Hoa KĐ, Tu Chính Án ThĐ NhĐt bĐo đĐm nĐn tĐ do báo chí và cĐm đoán các hình thĐc kĐm duyĐt cĐa chính quyĐn.

Các giĐi hĐn cĐa chính quyĐn vĐ tĐ do ngôn luĐn và báo chí có thĐ biĐn hĐ khi chính quyĐn kĐm duyĐt cách phĐ biĐn viĐc gây căm thù hay khi tin tĐc có chĐa đĐng bên trong các nguy hiĐm cho nĐn an ninh chung. ViĐc kĐm duyĐt báo chí đĐĐc coi là cĐn thiĐt khi có sĐ loan tin thĐt thiĐt, làm hĐi tĐi các ngĐĐi dân vô tĐi, nhĐng cách kĐm duyĐt các tin tĐc khi nào bĐ coi là đi quá xa? Vào năm 1931, khi tĐ tuĐn báo Saturday Press Đ Minneapolis thuĐc tiĐu bang Minnesota cho in mĐt loĐt bài tĐ cáo viên cĐnh sát trĐĐng và mĐt sĐ viên chĐc đĐa phĐĐng tham nhĐng và ăn bĐt cĐa công, giĐi hĐ là bĐn Do Thái ăn bĐt (Jewish grafters) thì tòa án đĐa phĐĐng đã ban ra mĐt ĐĐnh tòa (injunction) đóng cĐa tòa báo bĐi vì tĐ thĐp niên 1920 tĐi Minnesota, đã có mĐt đĐo luĐt cĐm xuĐt bĐn các tĐp chí gây tai tiĐng, phĐ báng và có ác ý. TrĐĐc vĐ kiĐn Near v. Minnesota này, vĐ chánh án Tòa TĐi Cao là ông Charles Evans Hughes đã xác nhĐn rĐng đĐng ý cĐa đĐo luĐt Minnesota là trĐn áp các xuĐt bĐn tĐĐng lại hĐn là trĐng phĐt các xuĐt bĐn đã qua. ĐĐo luĐt cĐa tiĐu bang và ĐĐnh tòa nhĐ vĐy là mĐt sĐ viĐc vi hiĐn vì giĐi hĐn trĐĐc (prior restraint).

ĐĐi vĐi viĐc kĐm duyĐt cĐa chính quyĐn trĐĐc khi mĐt bài báo, mĐt cuĐn sách đĐĐc xuĐt bĐn, ông William Blackstone, vĐ quan tòa và luĐt gia danh tiĐng ngĐĐi Anh, đã tĐng viĐt: TĐ do báo chí bao gĐm cĐ viĐc không đĐĐc giĐi hĐn trĐĐc các phĐ biĐn, và quan tòa Charles Evans Hughes phán quyĐt rĐng duy trì đĐo luĐt cĐa tiĐu bang Minnesota sĐ là mĐt bĐĐc đĐ tiĐn tĐi hĐ thĐng hoàn toàn kĐm duyĐt. Cách lý luĐn này tĐĐng tĐ nhĐ chĐ thuyĐt vĐ sĐ nguy hiĐm rõ ràng và hiĐn tĐi (the clear and present danger doctrine) mà vĐ chánh án Holmes đã đĐ cĐp. Sau đó,

Tòa TĐ i Cao cũng vô hiĐ u hóa các đĐ o luĐ t tiĐ u bang đã cĐ m đoán viĐ c phân phĐ i các giĐ y quĐ ng cáo và tĐ p in mĐ ng (handbills and leaflets) mà không đĐ Đ c phép cĐ a viên chĐ c thành phĐ . Tuy nhiên, Tòa TĐ i Cao cũng cĐ nh cáo rĐ ng viĐ c giĐ i hĐ n trĐ Đ c đĐ Đ c cho phép khi liên quan tĐ i nĐ n an ninh quĐ c gia và sĐ bĐ o đĐ ng trong nĐ Đ c.

40 năm sau vĐ án vĐ báo chí kĐ trên, vĐ n đĐ tĐ do trong viĐ c phĐ biĐ n và quyĐ n lĐ i cĐ a chính quyĐ n lĐ i đĐ Đ c mang ra thĐ thách. Vào năm 1971, ông Daniel Ellsberg, mĐ t nhà phân tích chính trĐ làm viĐ c tĐ i BĐ QuĐ c Phòng Hoa KĐ , đã vi phĐ m các quy luĐ t vĐ an ninh do cung cĐ p cho hai tĐ báo New York Times và Washington Post các tài liĐ u nghiên cĐ u vĐ cuĐ c ChiĐ n Tranh ViĐ t Nam. Các tài liĐ u mĐ t này là mĐ t phĐ n thuĐ c báo cáo nhiĐ u quyĐ n cĐ a BĐ QuĐ c Phòng mô tĐ cuĐ c chiĐ n và cho thĐ y rĐ ng trong thĐ p niên 1960, chính quyĐ n Hoa KĐ đã nói đĐ i dân chúng vĐ nhiĐ u phĐ Đ ng diĐ n. Sau khi suy nghĩ, hai tĐ báo New York Times và Washington Post bĐ t đĐ u cho tin các đĐ Đ n trích cĐ a công trình nghiên cĐ u. Ngay lĐ p tĐ c, TĐ ng ThĐ ng Richard Nixon đã xin mĐ t lĐ nh tòa ngăn chĐ n viĐ c phĐ biĐ n kĐ trên vì cho rĐ ng sĐ viĐ c đó đã vi phĐ m vào ĐĐ o LuĐ t Do Thám cĐ a năm 1917 (the Espionage Act of 1917) khi đó còn hiĐ u lĐ c. VĐ án New York Time và Washington Post kiĐ n chính phĐ Hoa KĐ , hay còn đĐ Đ c gĐ i là vĐ án Tài LiĐ u Ngũ Giác Đài (the Pentagon Papers) đĐ Đ c trình lên Tòa Án TĐ i Cao và các vĐ quan tòa đã bĐ phiĐ u 6 chĐ ng 3, xác nhĐ n rĐ ng chính quyĐ n Hoa KĐ đã không cung cĐ p đĐ biĐ n minh cho viĐ c giĐ i hĐ n trĐ Đ c, không chĐ ng tĐ đĐ Đ c rĐ ng viĐ c phĐ biĐ n các tài liĐ u đó sĐ gây ra các nguy hĐ i trĐ c tiĐ p và nghiêm trĐ ng cho quĐ c gia. Sau đó, hai tĐ báo kĐ trên tiĐ p tĐ c cho in Tài LiĐ u Ngũ Giác Đài.

TrĐ Đ c quyĐ n tĐ do báo chí, thĐ m phán Hugo Black là vĐ quan tòa không nhân nhĐ Đ ng, đã nói: Qua Tu Chính Án ThĐ NhĐ t, các vĐ lĐ p quĐ c đã cho quyĐ n tĐ do báo chí sĐ che chĐ cĐ n thiĐ t đĐ hoàn thành vai trò quan trĐ ng trong nĐ n dân chĐ cĐ a chúng ta. Báo chí dùng đĐ phĐ c vĐ nhĐ ng ngĐ Đ i bĐ cai trĐ , không phĐ i nhĐ ng nhà cai trĐ (the press was to serve the governed, not the governors).

2. KiĐ m duyĐ t sĐ thô tĐ c

MĐ t thĐ phĐ biĐ n không đĐ Đ c Tu Chính Án ThĐ NhĐ t bĐ o vĐ , đó là sĐ thô tĐ c (obscenity) bao gĐ m bên trong là loĐ i dĐ m thĐ (pornography). Tuy nhiên có mĐ t vĐ n đĐ đĐ t ra, đó là làm sao xác đĐ nh đĐ Đ c sĐ thô tĐ c? Các lĐ i chĐ i bĐ i có phĐ i là thô tĐ c không? LoĐ i phim X có thô tĐ c không?

NhiĐ u ngĐ Đ i cho rĐ ng cĐ n phĐ i kiĐ m soát viĐ c xuĐ t bĐ n các Đ n phĐ m nói vĐ đĐ c tình và các tòa án cũng canh chĐ ng các cuĐ n sách khiêu dĐ m, các cuĐ n phim trình chiĐ u các cĐ nh đĐ i trĐ y. Khi không có các tiêu chuĐ n đĐ xét đoán, các nhân viên chính quyĐ n có thĐ nĐ i rĐ ng ý nghĩa vĐ thô

Trong nhiều vụ kiện, Tòa Án Tối Cao đã công nhận làm rõ danh từ thô tục. Nhân vụ án Miller kiện California vào năm 1973, Tòa Tối Cao đã đưa ra ba tiêu chuẩn để kiểm xét một sản phẩm bị coi là thô tục: (1) một người bình thường, áp dụng các tiêu chuẩn hiện thời của cộng đồng, sẽ cảm thấy một cách tổng quát sản phẩm đó khiêu gợi và dâm tĩch, (2) sản phẩm mô tả hành vi dâm dục mà luật pháp địa phương hay các tòa án coi là xúc phạm, (3) sản phẩm, xét theo tổng quát, thiêu đi các giá trị đáng kể về văn chương, nghệ thuật, chính trị hay khoa học. Ngoài ra, còn có lời bình luận nổi tiếng của vị chánh án Potter Stewart như sau: Tôi không biết từ phải diễn nghĩa sự thô tục như thế nào, nhưng tôi biết một sản phẩm là thô tục khi nhìn thấy rõ ràng.

Kể từ vụ án Miller v. California, các nhà làm luật, các tòa án và bộ i thẩm đoàn đưa a pho ng đã dùng các tiêu chu n c u xét theo s xét đoán khác nhau tùy theo c ng đ ng, tùy theo đ a pho ng. Do các tiêu chu n đ a pho ng đ c dùng t i nên k ngh khai thác tình đ c đã phát tri n t i vài n i. Trên con đ ng th 42 c a thành ph New York, ng i dân có th nhìn th y đ lo i dâm th trong khi t i m t s th tr n khác, t t c các sách báo và phim nh có m t chút tình đ c đ u b c m đoán, vì v y vào năm 1987, Tòa T i Cao đã s a đ i các tiêu chu n xét đoán v s th t c. Qua vụ án Pope v. Illinois, Tòa T i Cao xác đ nh r ng các tòa án không đ c dùng các tiêu chu n đ a pho ng. V chánh án Byron White nói r ng giá tr c a m t s n ph m không th thay đ i t c ng đ ng này sang c ng đ ng khác căn c vào s ch p nh n đ a pho ng và v n đ chính là giá tr ph i do m t ng i hi u bi t đánh giá m t cách toàn di n.

Như vậy các tiêu chuẩn cũ xét về số thơ tặc luôn luôn phải do Tòa Án Tối Cao thẩm định và cho lời phán quyết cuối cùng. Tòa cũng tuyên bố vào năm 1969 rằng các ngụy viên bán sách không bị trừng phạt vì bán ra các tài liệu thô tặc trừ khi chính họ biết rõ điếu đó. Tòa còn quy định rằng các chính quyền tiểu bang và địa phương không có quyền ngăn cản các công dân dùng các tài liệu thô tặc một cách riêng tư nhưng các chính quyền này có thể cấm những người dưới 18 tuổi vào các hiệu sách dành cho người lớn hay vào các rạp hát chiếu các loại phim cấm trẻ em. Quốc Hội cũng thông qua các đạo luật ngăn trở việc mua và bán loại dâm thư, nhưng hạn các tài liệu thô tặc không thuộc phạm vi bị cấm buôn bán.

3. Giới hạn vị trí quặng cáo

Trong nhiều năm, đã có các đ̣o luật và quy luật tịu bang ngăn c̣m ṃt ṣ lọi qụng cáo ṛi tị gịa tḥp niên 1970, các tòa án và Ủy Ban FTC đã ṇi ḷng ṣ kịm soát. Tḥ đ̣ vào năm 1977, Tòa Ṭi Cao đã bác ḅ ṃt đ̣o luật c̣m các luật ṣ qụng cáo ṿ các đ̣ch ṿ và ḷ phí (ṿ án Bates v. Arizona Bar Association). Các qụng cáo ṿ thục ng̣a tḥi, các đ̣ch ṿ y ṭ cũng không còn ḅ c̣m đoán nḥ tṛc kia.

4. Phim ảnh, truyền thanh và truyền hình

Vào năm 1915, khi kỹ thuật phim ảnh còn sơ khai, trong vụ án Mutual Film Corporation kiện Ohio, tòa án đã quy định rằng các thẩm quyền tiểu bang và địa phương có hoàn toàn tự do

kiĐm duyĐt các phim chiĐu bĐi vì phim Đnh không đĐĐc coi là mĐt phĐn cĐa báo chí (the press) hay là cĐ quan cĐa công luĐn (an organ of public opinion). KĐt quĐ cĐa quyĐt đĐnh này là đĐ xuĐt hiĐn hàng trăm Đy ban kiĐm duyĐt cĐp đĐa phĐĐng và cĐp tiĐu bang trên toàn quĐc Hoa KĐ, và các Đy ban này có quyĐn cĐm cĐn các phim Đnh trình chiĐu trong khu vĐc quĐn trĐ.

ThĐi gian trôi qua, viĐc duyĐt xét kĐ nghĐ đĐn Đnh cũng thay đĐi. Vào năm 1952, HĐi ĐĐng QuĐn TrĐ cĐa tiĐu bang New York (Board of Regents) đã không cho phép chiĐu cuĐn phim Ý có tên là ĐĐu HuyĐn ĐĐu (the Miracle) vì hĐ cho rĐng cuĐn phim này mang tính xúc phĐm (sacrilegious). Qua vĐ án Burstyn v. Wilson, Tòa TĐi Cao phán quyĐt rĐng phim Đnh đĐĐc che chĐ mĐt phĐn bĐi Tu Chính Án ThĐ NhĐt và viĐc kiĐm duyĐt trĐĐc cuĐn phim cĐa tiĐu bang New York đĐĐc coi là vi hiĐn bĐi vì đĐnh nghĩa cĐa luĐt pháp vĐ chĐ xúc phĐm quá mĐ hĐ. Tòa TĐi Cao đĐi hĐi các luĐt Đ kiĐm duyĐt phim Đnh phĐi xác đĐnh rõ ràng các tiêu chuĐn và áp đĐng các tiêu chuĐn này mĐt cách công bĐng. KĐ tĐ khi đó, rĐt khó cho các Đy ban kiĐm duyĐt cĐm đĐán các phim Đnh và ngày nay chĐ còn mĐt sĐ ít loĐi Đy ban này tĐi vài tiĐu bang và đĐa phĐĐng. ViĐc kiĐm duyĐt thĐĐng đĐĐc căn cĐ vào sĐ thô Đc.

ĐĐi vĐi kĐ nghĐ đĐn Đnh, hĐ cũng tìm cách tránh bĐt sĐ can thiĐp cĐa chính quyĐn bĐng hĐ thĐng phân loĐi: loĐi G = dùng cho khán giĐ thông thĐĐng, loĐi PG = cĐn sĐ hĐĐng đĐn cĐa cha mĐ, loĐi PG-13 = cĐn sĐ hĐĐng đĐn cĐa cha mĐ dành cho các trĐ em đĐĐi 13 tuĐi, loĐi R = giĐi hĐn (Restricted) và loĐi NC = cĐm trĐ em đĐĐi 17 tuĐi.

Các giĐi hĐn còn đĐĐc áp đĐng vào truyĐn thanh và truyĐn hình. GiĐng nhĐ báo chí, các phĐĐng tiĐn truyĐn thông này là các đĐn đĐn quan trĐng vĐ tin Đc và tranh luĐn, đĐ cĐp tĐi các vĐn đĐ công cĐng. BĐi vì truyĐn thanh và truyĐn hình hoĐt đĐng trên các làn sóng công cĐng, nĐu có quá nhiĐu đĐi phát thanh và phát hình, sĐ xĐy ra các rĐi loĐn hay trùng chéo, vì vĐy chính quyĐn liên bang đã cho phép mĐi đĐi phát sóng mĐt tĐn sĐ nhĐt đĐnh. CĐ quan chĐu trách nhiĐm đĐu hành viĐc phát sóng là Đy Ban TruyĐn Thông Liên Bang FCC (Federal Communications Commission) và mĐc dù Đy ban FCC không kiĐm duyĐt nĐi dung viĐc thông tin hay can thiĐp vào vĐn đĐ tĐ do ngôn luĐn, nhĐng Đy ban này đã đĐt ra các tiêu chuĐn đĐ cĐp giĐy phép hoĐt đĐng và đĐi hĐi các đĐi phát sóng phĐi tôn trĐng các tiêu chuĐn đó. Các giĐy phép này có giá trĐ trong ba năm, sau đó phĐi xin tái cĐp. MĐt đĐu Đ quan trĐng cĐa Đy ban FCC là chĐ thuyĐt công bĐng (fairness doctrine) theo đó, khi có mĐt vĐn đĐ quan trĐng cĐn đĐĐc đĐ cĐp thì các đĐi phát thanh và phát hình phĐi trình bày mĐi mĐt cĐa vĐn đĐ. Tuy nhiên chĐ thuyĐt kĐ trên đã bĐ kháng cáo vào năm 1987 vì có ý kiĐn cho rĐng quyĐn ĐĐi theo Tu Chính Án ThĐ NhĐt cĐa nhĐng cĐ quan phát sóng đã bĐ vi phĐm.

QuyĐn tĐ do báo chí còn có mĐt yĐu tĐ quan trĐng là dân chúng có quyĐn biĐt rõ chính quyĐn đang làm gĐ. Vì vĐy vào năm 1966, QuĐc HĐi đã thông qua ĐĐo LuĐt TĐ Do vĐ Tin TĐc (the

Freedom of Information Act). Từ năm 1974, đạo luật kê trên là i đ c tu chính theo đó chính quyền phải đ cho các nhà báo và các công dân quan tâm xem xét các h s liên bang (federal records) nh các tài li u v ngân kho n, các hình nh và b n đ , ngo i tr các tài li u đ c ghi rõ là m t (classified).

Chính quy n liên bang và nhi u ti u bang còn ch p nh n các lu t ánh sáng m t tr i (sunshine laws) theo đó, các c quan c a chính ph p i t ch c các bu i h p công c ng và ph i thông báo tr c m t tu n l v các bu i mít tinh này. Đ o lu t ánh sáng m t tr i năm 1976 đòi h i g n 50 c quan liên bang, các y ban và h i đ ng ph i công b các ho t đ ng c a h . N u các bu i h p bàn v đ ng l i ho t đ ng c a chính quy n đ c th c hi n trong phòng kín thi công chúng có quy n đ c các b n t ng thu t vi t c a các bu i h p đó.

Trong l ch s c a Hoa Kỳ, vi c b o v các t do dân s (civil liberties) luôn luôn đ c theo đu i và v n đ tranh lu n đ c nêu ra là vi c Kĩ m Duy t đ i v i s Tự Do. Dân chúng Hoa Kỳ th ng có khuynh h ng ch ng l i s b t dung th (intolerance), h không mu n b sai b o ph i làm gì và đ ng tr c các v n đ tr ng đ i, ng i dân đôi khi a thích Tự Do h n là Luân Lý.